

**Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 50

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 37.142.358 cổ phiếu với giá 13.700 đồng/cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai. Việc hoán đổi này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 22 tháng 10 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch	
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Chủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Văn Hòa	Thành viên	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngử	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2015
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2015
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Bà Lê Hà Mai Thảo	Giám đốc Nhân sự	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Quyền Giám đốc Hỗ trợ	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Ngử.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Phạm Hồng Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 27 tháng 9 năm 2016

Số tham chiếu: 61248763/18259903

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 9 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 28 tháng 9 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.214.288.087.867	1.706.708.265.252
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	558.391.859.290	135.966.594.558
111	1. Tiền		292.891.859.290	135.966.594.558
112	2. Các khoản tương đương tiền		265.500.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	-	7.021.531.368
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	8.124.761.428
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1.103.230.060)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.504.662.661.343	778.479.797.085
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	516.463.033.554	268.477.050.494
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	843.053.047.468	474.876.118.998
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	114.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	65.365.472.035	58.413.903.143
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(34.718.891.714)	(23.287.275.550)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.108.606.261.843	749.235.990.504
141	1. Hàng tồn kho		1.109.425.753.419	750.055.482.080
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(819.491.576)	(819.491.576)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.627.305.391	36.004.351.737
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	35.374.193.564	33.159.799.557
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.971.039.820	743.163.695
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	282.072.007	2.101.388.485

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2,605,401,883,150	1.622.060.040.137
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		147.239.518.224	48.611.724.058
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	7	11.969.867.212	35.904.299.058
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	135.269.651.012	12.707.425.000
220	II. Tài sản cố định		616.228.639.654	522.927.849.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	445.207.701.402	476.155.185.794
222	Nguyên giá		1.805.724.700.946	1.747.107.486.692
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.360.516.999.544)	(1.270.952.300.898)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	171.020.938.252	46.772.663.933
228	Nguyên giá		186.297.385.031	58.432.128.391
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.276.446.779)	(11.659.464.458)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		117.580.128.491	168.922.294.355
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	117.580.128.491	168.922.294.355
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.689.736.468.512	841.137.728.936
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	967.629.504.600	189.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	463.135.039.400	557.902.848.539
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	259.937.095.306	94.437.115.484
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(965.170.794)	(202.235.087)
260	V. Tài sản dài hạn khác		34.617.128.269	40.460.443.061
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	33.760.640.478	40.460.443.061
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	856.487.791	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.819.689.971.017	3.328.768.305.389

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.118.083.369.740	1.373.666.383.524
310	I. Nợ ngắn hạn		2.147.503.211.240	864.957.754.524
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	41.308.852.036	82.665.635.893
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	84.757.124.609	81.251.627.841
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.849.822.920	18.410.994
314	4. Phải trả người lao động		1.791.569.503	4.031.410.380
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	44.868.883.633	10.819.139.091
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	24.235.708.721	5.107.842.819
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.925.675.427.139	667.877.287.507
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.015.822.679	13.186.399.999
330	II. Nợ dài hạn		970.580.158.500	508.708.629.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	-	96.300.000
338	2. Vay dài hạn	20	970.580.158.500	508.612.329.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.701.606.601.277	1.955.101.921.865
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.701.606.601.277	1.955.101.921.865
411	1. Vốn cổ phần		1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		155.174.403.823	14.732.000.010
415	3. Cổ phiếu quỹ		(40.306.862.293)	(61.577.199.043)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		243.709.260.201	227.425.653.785
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		395.419.469.546	289.521.467.113
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		126.036.070.398	127.351.945.308
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		269.383.399.148	162.169.521.805
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.819.689.971.017	3.328.768.305.389

Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Ngử
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.267.976.748.857	2.071.667.869.305
02	2. Các khoản giảm trừ	22.1	(8.614.674.097)	(4.767.867.003)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.259.362.074.760	2.066.900.002.302
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(2.761.817.977.289)	(1.808.239.601.251)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		497.544.097.471	258.660.401.051
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	121.602.986.049	86.347.371.056
22	7. Chi phí tài chính	24	(150.174.417.116)	(38.878.811.338)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(94.342.654.614)	(80.244.824.475)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(76.826.454.280)	(68.364.786.581)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(110.103.463.012)	(65.532.255.320)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		282.042.749.112	172.231.918.868
31	11. Thu nhập khác		8.049.355.617	10.160.949.001
32	12. Chi phí khác		(2.066.477.737)	(2.018.211.230)
40	13. Lợi nhuận khác		5.982.877.880	8.142.737.771
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.025.626.992	180.374.656.639
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(19.498.715.635)	(16.523.949.788)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	856.487.791	(1.014.642.696)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		269.383.399.148	162.836.064.155


Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Ngủ
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		288.025.626.992	180.374.656.639
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	11, 12	95.789.802.625	88.574.404.824
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		11.091.321.811	(70.314.685.585)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		478.613.333	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(118.728.703.238)	(70.229.557.877)
06	Chi phí lãi vay	24	94.342.654.614	80.244.824.475
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		370.999.316.137	208.649.642.476
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(501.234.139.914)	252.510.359.251
10	Tăng hàng tồn kho		(355.281.088.845)	(132.076.921.166)
11	Tăng các khoản phải trả		73.347.393.297	42.948.433.155
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		4.485.408.576	(19.135.442.244)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		8.124.761.428	(8.124.761.428)
14	Tiền lãi vay đã trả		(87.034.656.680)	(80.406.099.977)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(9.547.504.230)	(17.088.951.734)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.710.905.019)	(12.851.966.177)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(511.851.415.250)	234.424.292.156
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(308.233.957.729)	(194.932.489.052)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		463.821.700	9.134.090.637
23	Tiền chi cho vay		(228.500.000.000)	(180.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		114.000.000.000	308.961.327.469
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(554.454.019.683)	(233.792.083.885)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		145.923.873.910	172.452.712.934
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		58.155.451.695	67.798.835.565
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(772.644.830.107)	(50.377.606.332)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	115.472.765.963	-
33	Tiền thu từ đi vay		5.353.114.134.857	3.401.281.174.602
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.633.450.665.725)	(3.707.309.524.426)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(127.607.494.420)	(634.303.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.707.528.740.675	(306.662.653.024)
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		423.032.495.318	(122.615.967.200)
60	Tiền đầu năm		135.966.594.558	258.582.561.758
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(607.230.586)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	558.391.859.290	135.966.594.558


Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Ngự
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 542 (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 488).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng và phát triển dự án; và
- Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí hoa hồng không hoàn lại trả cho các đại lý tiếp thị hoặc bán hàng trong việc bán bất động sản được ghi nhận vào chi phí khi thanh toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành của hàng tồn kho ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đối với nghiệp vụ bán được xác định theo các chi phí cụ thể phát sinh của bất động sản bán đi và phân bổ các chi phí chung dựa trên diện tích tương đối của bất động sản bán đi.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	44 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	1 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	1 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong năm.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	821.440.675	1.021.327.394
Tiền gửi ngân hàng (*)	292.070.418.615	134.945.267.164
Các khoản tương đương tiền (**)	265.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	558.391.859.290	135.966.594.558

(*) Tiền gửi ngân hàng trị giá 55.950.823.598 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 20*).

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,5% một năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
Mua lại công ty con thông qua việc hoán đổi cổ phiếu phát hành mới	508.850.304.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị</u> (VND)
Cổ phiếu niêm yết				
- Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí ("PVD")	-	-	48.300	2.864.461.119
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("SSI")	-	-	35.640	753.927.572
- Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("KBC")	-	-	18.500	312.818.526
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PVS")	-	-	10.000	241.762.100
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	-	-	50.420	2.565.391.502
- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("VNM")	-	-	5.500	570.354.250
- Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ("TCM")	-	-	13.000	453.584.914
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam ("VSC")	-	-	6.000	261.291.350
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh ("DXG")	-	-	8.239	101.170.095
TỔNG CỘNG		-		8.124.761.428
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-		(1.103.230.060)
GIÁ TRỊ THUẦN		-		7.021.531.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	372.424.911.831	263.962.632.594
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam	147.570.149.989	136.502.925.302
- Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	50.498.783.775	435.782.000
- Các khách hàng khác	174.355.978.067	127.023.925.292
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	144.038.121.723	4.514.417.900
TỔNG CỘNG	516.463.033.554	268.477.050.494

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trị giá 447.520.750.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	843.053.047.468	474.876.118.998
Trả trước cho bên khác	669.437.843.163	361.172.283.271
Trong đó:		
- Global Mind Commodities Trading Pte., Ltd	274.868.447.816	20.507.601.907
- Trả trước cho nông dân (*)	263.443.834.004	248.245.458.985
- Các khoản trả trước khác	131.125.561.343	92.419.222.379
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	173.615.204.305	113.703.835.727
Dài hạn	11.969.867.212	35.904.299.058
Trả trước cho nông dân (*)	11.969.867.212	35.904.299.058
TỔNG CỘNG	855.022.914.680	510.780.418.056
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(34.718.891.714)	(23.287.275.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	820.304.022.966	487.493.142.506

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất từ 9,6% đến 10,8% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	23.287.275.550	31.782.826.019
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	18.524.980.054	4.164.659.898
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.093.363.890)	(12.660.210.367)
Số cuối năm	<u>34.718.891.714</u>	<u>23.287.275.550</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	65.365.472.035	58.413.903.143
Lãi phải thu	44.316.113.407	41.418.506.655
Tạm ứng cho nhân viên	17.856.943.497	12.157.955.500
Phải thu ngắn hạn khác	3.192.415.131	4.837.440.988
Dài hạn	135.269.651.012	12.707.425.000
Ký quỹ thuê đất	122.562.226.012	-
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia (*)	<u>12.707.425.000</u>	<u>12.707.425.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>200.635.123.047</u>	<u>71.121.328.143</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	22.293.928.114	18.553.709.115
Phải thu từ bên khác	178.341.194.933	52.567.619.028

(*) Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 12.707.425.000 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Svayrieng Sugar and Cane Company Limited, để phát triển dự án trồng mía ở Campuchia với thời hạn 10 (mười) năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	862.584.069.217	658.135.893.261
Hàng hóa	85.092.056.316	30.434.144.508
Nguyên vật liệu	77.181.749.394	33.796.888.944
Hàng hóa bất động sản	49.231.049.895	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.573.298.646	25.479.310.297
Công cụ, dụng cụ	674.347.457	771.473.815
Hàng gửi đi bán	4.089.182.494	1.437.771.255
TỔNG CỘNG	1.109.425.753.419	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(819.491.576)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.108.606.261.843	749.235.990.504

Hàng tồn kho trị giá 630.520.750.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	35.374.193.564	33.159.799.557
Chi phí chờ phân bổ	29.899.393.335	24.920.492.027
Khác	5.474.800.229	8.239.307.530
Dài hạn	33.760.640.478	40.460.443.061
Tiền thuê đất trả trước	31.194.241.064	37.689.602.004
Khác	2.566.399.414	2.770.841.057
TỔNG CỘNG	69.134.834.042	73.620.242.618

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Mua mới	-	-	724.690.909	638.395.000	57.000.000	1.420.085.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	20.221.862.014	40.250.275.164	-	-	-	60.472.137.178
Thanh lý	-	(1.609.812.924)	(1.665.195.909)	-	-	(3.275.008.833)
Số cuối năm	304.297.085.125	1.412.376.512.273	23.884.270.446	6.704.502.572	58.462.330.530	1.805.724.700.946
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	21.453.937.846	152.143.965.805	3.773.763.884	4.082.675.597	58.274.772.348	239.729.115.480
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Khấu hao trong năm	10.970.491.109	77.967.665.591	2.690.393.244	524.425.468	19.844.892	92.172.820.304
Thanh lý	-	(1.336.794.008)	(1.271.327.650)	-	-	(2.608.121.658)
Số cuối năm	171.986.176.728	1.111.853.615.601	13.143.191.142	5.136.894.056	58.397.122.017	1.360.516.999.544
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794
Số cuối năm	132.310.908.397	300.522.896.672	10.741.079.304	1.567.608.516	65.208.513	445.207.701.402
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 20)	651.577.768	220.204.752.546	-	186.809.799	-	221.043.140.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	47.483.754.819	10.948.373.572	58.432.128.391
Mua mới	134.983.796.640	-	134.983.796.640
Giảm khác	(7.118.540.000)	-	(7.118.540.000)
Số cuối năm	<u>175.349.011.459</u>	<u>10.948.373.572</u>	<u>186.297.385.031</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Hao mòn trong năm	2.551.981.179	1.207.601.063	3.759.582.242
Giảm khác	(142.599.921)	-	(142.599.921)
Số cuối năm	<u>10.627.513.423</u>	<u>4.648.933.356</u>	<u>15.276.446.779</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>39.265.622.654</u>	<u>7.507.041.279</u>	<u>46.772.663.933</u>
Số cuối năm	<u>164.721.498.036</u>	<u>6.299.440.216</u>	<u>171.020.938.252</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp</i>			
<i>(Thuyết minh số 20)</i>	162.905.635.150	-	162.905.635.150

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	93.957.120.070	92.700.623.082
Hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị đang lắp đặt	17.698.066.904	1.984.343.489
Dự án kho bãi	-	67.491.898.320
Khác	5.924.941.517	6.745.429.464
TỔNG CỘNG	<u>117.580.128.491</u>	<u>168.922.294.355</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 93.957.120.070 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là 6.067.203.678 VND (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 728.299.260 VND) vào dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	967.629.504.600	189.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	463.135.039.400	557.902.848.539
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	259.937.095.306	94.437.115.484
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(965.170.794)	(202.235.087)
TỔNG CỘNG	1.689.736.468.512	841.137.728.936

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (i)	189.000.000.000	90,00	189.000.000.000	90,00
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thành Thành Công Gia Lai (ii)	508.850.304.600	100,00	-	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU (iii)	269.779.200.000	94,94	-	-
TỔNG CỘNG	967.629.504.600		189.000.000.000	

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công ("TTCE") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.
- (ii) Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai – trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai ("Mía đường Gia Lai") được thành lập theo GCNĐKKD số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía đường Gia Lai đặt tại Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.
- (iii) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU ("TSU") được thành lập tại Singapore theo Giấy phép Đầu tư số 844/BKHĐT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của công ty là mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã chuẩn bị đệ trình hồ sơ đăng ký thay đổi khoản đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xin chấp nhận việc tăng vốn của TSU từ 12.000.000 đô la Mỹ lên 12.640.000 đô la Mỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (i)	245.000.000.000	49,00	245.000.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	-	-	212.437.661.139	23,71
Công ty Cổ phần Đường Nước Trống (iii)	53.765.987.400	23,95	53.765.987.400	23,95
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (iv)	31.579.200.000	21,96	31.579.200.000	26,32
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh (v)	117.669.852.000	39,23	-	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (vi)	15.120.000.000	48,00	15.120.000.000	48,00
TỔNG CỘNG	463.135.039.400		557.902.848.539	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(126.775.323)		(133.902.000)	
GIÁ TRỊ THUẬN	463.008.264.077		557.768.946.539	

(i) Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hoà ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và khu dân cư, khai thác nước ngầm, thoát nước và xử lý nước thải.

(ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường. Trong năm, Đường Biên Hòa đã hoàn tất việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Ninh Hoà. Theo đó, tỉ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 23,71% xuống còn 16,97% và Đường Biên Hòa không còn là công ty liên kết của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

- (iii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iv) Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh ("Hóa chất Tây Ninh") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 45121000238 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Hóa chất Tây Ninh đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nito; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- (v) Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh - trước đây là Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh ("Mía Đường Tây Ninh") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007. Trụ sở chính của Mía Đường Tây Ninh đặt tại Số 19, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh. Hoạt động chính của công ty là trồng cây mía, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường.
- (vi) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	(VND)		(VND)	
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	173.410.062.139	9,75	-	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	-	-	74.915.050.000	9,87
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	67.004.967.683	4,73	-	-
Công ty Cổ phần Đường Cần Thơ	18.752.003.100	6,43	18.752.003.100	6,43
Đầu tư dài hạn khác	770.062.384		770.062.384	
TỔNG CỘNG	259.937.095.306		94.437.115.484	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(838.395.471)		(68.333.087)	
GIÁ TRỊ THUẦN	259.098.699.835		94.368.782.397	

8.301.524 cổ phiếu trong khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên khác	27.732.468.985	77.500.991.534
Trong đó:		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	6.406.775.946	11.798.029.776
- DNTN Hùng Diệp	3.970.445.000	1.277.886.000
- Khác	17.355.248.039	64.425.075.758
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	13.576.383.051	5.164.644.359
TỔNG CỘNG	41.308.852.036	82.665.635.893

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	69.603.604.949	72.553.893.841
Trong đó:		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (*)	68.570.710.000	66.731.910.000
- Khác	1.032.894.949	5.821.983.841
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	15.153.519.660	8.697.734.000
TỔNG CỘNG	84.757.124.609	81.251.627.841

(*) Đây là khoản trả trước theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	-	19.498.715.635	(11.648.892.715)	7.849.822.920
Thuế thu nhập cá nhân	18.410.994	-	(18.410.994)	-
TỔNG CỘNG	18.410.994	19.498.715.635	(11.667.303.709)	7.849.822.920
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	2.101.388.485	-	(2.101.388.485)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.136.263.036	(5.854.191.029)	282.072.007
TỔNG CỘNG	2.101.388.485	6.136.263.036	(7.955.579.514)	282.072.007

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	9.845.820.344	2.537.822.410
Chi phí mua đường	8.564.877.909	-
Lương tháng 13	4.467.090.266	-
Chi phí vận chuyển	3.511.502.140	5.260.591.500
Khác	18.479.592.974	3.020.725.181
TỔNG CỘNG	44.868.883.633	10.819.139.091

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	24.235.708.721	5.107.842.819
Mượn nguyên vật liệu	15.648.984.731	-
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	1.299.155.796	2.570.106.649
Khác	7.287.568.194	2.537.736.170
Dài hạn	-	96.300.000
Ký quỹ	-	96.300.000
TỔNG CỘNG	24.235.708.721	5.204.142.819
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	20.940.158.314	1.200.000.000
Phải trả bên khác	3.295.550.407	4.004.142.819

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá	VND Số cuối năm
Ngắn hạn	667.877.287.507	4.891.146.305.357	(3.633.450.665.725)	102.500.000	1.925.675.427.139
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)					
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	555.558.945.507	3.998.074.984.857	(2.927.840.173.725)	102.500.000	1.625.896.256.639
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	-	322.000.000.000	(140.000.000.000)	-	182.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan (Thuyết minh số 20.3)	112.318.342.000	468.894.636.500	(563.224.150.000)	-	17.988.828.500
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.4)	-	4.772.684.000	(2.386.342.000)	-	2.386.342.000
	-	97.404.000.000	-	-	97.404.000.000
Dài hạn	508.612.329.000	1.033.039.150.000	(571.071.320.500)	-	970.580.158.500
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	496.680.621.000	46.019.150.000	(468.894.636.500)	-	73.805.134.500
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.3)	11.931.708.000	-	(4.772.684.000)	-	7.159.024.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 20.4)	-	987.020.000.000	(97.404.000.000)	-	889.616.000.000
TỔNG CỘNG	1.176.489.616.507	5.924.185.455.357	(4.204.521.986.225)	102.500.000	2.896.255.585.639

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty và theo lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	427.746.582.087	-	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 18.750.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	193.400.000.000	-	Từ ngày 19 tháng 7 năm 2016 đến ngày 13 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho với tổng giá trị 143.500.000.000 VND và số dư tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	169.999.426.573	-	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2016 đến ngày 6 tháng 10 năm 2016	Quyền sử dụng đất thừa số 3105 tại Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai với tổng giá trị 170.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	159.774.939.311	-	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2016 đến ngày 17 tháng 11 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	104.954.389.848	-	Từ ngày 29 tháng 8 năm 2016 đến ngày 11 tháng 9 năm 2016	Quyền sử dụng đất thừa số 37 tại Phường 2, Thị xã Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và 100% giá trị khoản phải thu từ dự án Espace Bourbon Tây Ninh và khoản phải thu với tổng giá trị 75.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	-	Ngày 9 tháng 12 năm 2016	Khoản phải thu với tổng giá trị 100.000.000.000 VND

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (Đô la Mỹ)		
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội	55.890.000.000	2.500.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	54.100.000.000	-	Từ ngày 27 tháng 10 năm 2016 đến ngày 3 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 5.000.000 đô la Mỹ
	98.836.953.174	-	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 9 tháng 11 năm 2016	Tín chấp
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh	97.147.441.339	-	Từ ngày 3 tháng 9 năm 2016 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với tổng giá trị 4.510.000 đô la Mỹ
	60.446.524.307	-	Từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 đến ngày 12 tháng 9 năm 2016	8.301.524 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	-	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 28 tháng 12 năm 2016	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV CTBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	43.600.000.000	-	Từ ngày 2 tháng 12 năm 2016 đến ngày 9 tháng 12 năm 2016	Hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị 2.000.000 đô la Mỹ
TỔNG CỘNG	1.625.896.256.639	2.500.000		

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP A Châu – Chi nhánh Tân Thuận	80.602.963.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 đến ngày 15 tháng 5 năm 2022	Quyền sử dụng đất thừa số 37 tại Phường 2, Thị xã Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và 100% giá trị khoản phải thu từ dự án Espace Bourbon Tây Ninh và khoản phải thu với giá trị 75.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	11.191.000.000	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Quyền sử dụng đất thừa số 513 tại Xã Thanh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và máy móc hình thành từ khoản vay
TỔNG CỘNG	91.793.963.000		
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	17.988.828.500		
Vay dài hạn	73.805.134.500		

20.3 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	9.545.366.000	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 10 tháng 4 năm 2020	Tin chấp
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	2.386.342.000		
Vay dài hạn	7.159.024.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản vay trái phiếu được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Phát hành theo mệnh giá				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hợp đồng mua trái phiếu số 01.2016/PL/TPBANK-SBT ngày 30 tháng 5 năm 2016	592.212.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất thửa số 97 tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Hợp đồng mua trái phiếu số 06 – TP/2016/MIB – TTCS ngày 30 tháng 5 năm 2016	394.808.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	
	987.020.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	97.404.000.000			
Vay dài hạn	889.616.000.000			

Lãi suất trái phiếu là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và cộng (+) với biên độ 2,6% một năm.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước							
Số đầu năm	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	137.955.660.272	1.796.620.648.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	162.836.064.155	162.836.064.155
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	(6.915.466.281)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.688.248.683)	(3.688.248.683)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số cuối năm	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	125.609.421.786	101.816.231.999	289.521.467.113	1.955.101.921.865
Năm nay							
Số đầu năm (được trình bày lại – Thuyết minh số 30)	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	-	289.521.467.113	1.955.101.921.865
Tăng vốn trong năm (*)	462.610.330.000	137.426.724.600	-	-	-	-	600.037.054.600
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	-	24.286.015.963
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	269.383.399.148	269.383.399.148
Trích lập các quỹ	-	-	-	16.283.606.416	-	(16.283.606.416)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.540.327.699)	(19.540.327.699)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Số cuối năm	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	-	395.419.469.546	2.701.606.601.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 37.142.358 cổ phiếu với mệnh giá 13.700 VND/cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai. Việc hoán đổi này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 22 tháng 10 năm 2015.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 9.118.675 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Công ty theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của Công ty áp dụng cho người lao động. Việc phát hành này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 18 tháng 7 năm 2016.

21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Tăng trong năm	462.610.330.000	-
Số cuối năm	1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
Cổ tức công bố	127.661.462.600	666.542.350
Cổ tức đã trả	(127.607.494.420)	(634.303.200)

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	194.761.033	148.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	194.761.033	148.500.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.268.840	4.993.840
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	191.492.193	143.506.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu:	3.267.976.748.857	2.071.667.869.305
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	3.053.922.247.016	1.856.723.222.826
Doanh thu bán mật đường	84.784.111.415	110.143.954.086
Doanh thu bán điện	48.343.751.912	37.339.285.513
Doanh thu bán phân bón	51.636.357.026	50.853.743.786
Doanh thu khác	29.290.281.488	16.607.663.094
Trừ:		
Giảm giá hàng bán	(2.783.923.674)	(3.221.861.315)
Hàng bán trả lại	(5.830.750.423)	(1.546.005.688)
Doanh thu thuần	3.259.362.074.760	2.066.900.002.302
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	3.045.307.572.919	1.851.955.355.823
Doanh thu bán mật đường	84.784.111.415	110.143.954.086
Doanh thu bán điện	48.343.751.912	37.339.285.513
Doanh thu bán phân bón	51.636.357.026	50.853.743.786
Doanh thu khác	29.290.281.488	16.607.663.094
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	2.759.874.010.688	1.934.583.347.582
Doanh thu đối với bên liên quan	499.488.064.072	132.316.654.720

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi	65.399.912.403	68.135.694.207
Cổ tức	21.550.631.400	16.650.198.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.671.217.336	1.492.813.144
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	31.981.224.910	-
Khác	-	68.665.705
TỔNG CỘNG	121.602.986.049	86.347.371.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đường	2.552.499.540.454	1.602.003.973.065
Giá vốn bán mật đường	79.791.624.000	110.584.361.555
Giá vốn bán điện	56.291.260.107	33.470.324.847
Giá vốn bán phân bón	49.574.609.657	48.506.318.581
Giá vốn khác	23.660.943.071	13.674.623.203
TỔNG CỘNG	2.761.817.977.289	1.808.239.601.251

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	94.342.654.614	80.244.824.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	42.346.316.435	3.696.995.640
Hoàn nhập dự phòng	(340.294.354)	(69.488.337.027)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	2.937.679.680	16.698.385.000
Khác	10.888.060.741	7.726.943.250
TỔNG CỘNG	150.174.417.116	38.878.811.338

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	11.304.608.063	5.203.459.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.129.052.283	55.982.017.408
Chi phí khác	11.392.793.934	7.179.309.221
TỔNG CỘNG	76.826.454.280	68.364.786.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	38.136.218.651	29.120.099.452
Khấu hao và hao mòn	6.584.700.076	3.403.731.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.917.641.430	10.193.168.518
Chi phí dự phòng	16.418.117.070	-
Chi phí khác	31.046.785.785	22.815.255.793
TỔNG CỘNG	110.103.463.012	65.532.255.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	2.570.697.414.632	1.605.220.025.182
Chi phí nhân công	116.775.790.339	88.162.865.829
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	95.789.802.625	88.574.404.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.540.967.133	84.528.186.253
Chi phí khác	75.943.919.852	75.651.161.064
TỔNG CỘNG	2.948.747.894.581	1.942.136.643.152

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.116.265.660	16.523.949.788
Thuế TNDN trích thừa các năm trước (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(617.550.025) (856.487.791)	- 1.014.642.696
TỔNG CỘNG	18.642.227.844	17.538.592.484

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	287.528.671.796	180.374.656.639
Các khoản điều chỉnh:		
Cổ tức	(21.550.631.400)	(16.650.198.000)
Lợi nhuận chưa thực hiện	8.564.877.909	-
Chi phí không được khấu trừ	695.728.487	643.603.747
Thu nhập chịu thuế ước tính	275.238.646.792	164.368.062.386
Trong đó:		
Hoạt động sản xuất đường từ mía	103.034.082.339	106.604.974.493
Hoạt động khác	172.204.564.453	57.763.087.893
Thuế TNDN ước tính phải trả	20.116.265.660	16.523.949.788
Thuế TNDN trích thừa các năm trước	(617.550.025)	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	19.498.715.635	16.523.949.788
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(2.101.388.485)	(1.536.386.539)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(9.547.504.230)	(17.088.951.734)
Thuế TNDN phải trả (nộp thừa) cuối năm	7.849.822.920	(2.101.388.485)

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	856.487.791	-	856.487.791	-
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	(1.014.642.696)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	856.487.791	-	856.487.791	(1.014.642.696)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			856.487.791	(1.014.642.696)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Công	Công ty con	Vay	182.000.000.000	189.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua dịch vụ Thu nhập lãi Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ	189.665.401.876 9.621.356.702 2.755.853.664 718.939.786 771.309.661	129.196.707.607 11.583.767.151 9.650.127.191 - 40.909.091
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa Cho vay Thu nhập lãi Mua dịch vụ Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	141.741.761.971 214.000.000.000 17.354.088.654 7.103.162.326 3.044.453.390 229.090.911	196.821.222.523 80.000.000.000 2.355.680.555 2.734.839.036 1.187.618.116 229.090.910
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Bán hàng hóa Thu nhập lãi	147.617.738.785 32.586.144.759 1.584.429.819	44.391.388.825 - 3.852.917.347
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Cổ tức Mua nguyên liệu Bán hàng hóa Mua dịch vụ Thu nhập lãi	3.473.255.000 2.611.878.826 1.232.684.000 949.970.222 23.333.333	- - 1.517.060.000 - -
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay Cung cấp dịch vụ Thu nhập lãi Chi phí lãi Mua hàng hóa	14.500.000.000 381.818.182 381.222.220 352.949.858 292.000.000	- - - - -

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu Bán nguyên liệu Bán hàng hóa Cổ tức Mua hàng hóa Mua dịch vụ Bán tài sản cố định	609.674.882.515 384.375.558.119 99.429.209.068 10.465.910.000 7.475.018.201 611.685.911 480.000.000	- - 1.603.214.378 13.630.296.000 70.605.510.379 1.036.116.057 -	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Thu nhập lãi	117.265.955.634 41.924.367.976 5.402.809.905	- - -	
Svayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	47.856.405.042	-	
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Bán tài sản cố định	134.828.571.429 51.981.452.387 529.637.837	- - -	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Công Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Mua hàng hóa Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	820.900.000 505.800.000 327.895.486 240.000.000	308.000.000 1.078.308.000 170.602.929 240.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Thu nhập lãi	144.300.952.381 48.119.047.621 11.833.868.336	- - -	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa Thu nhập lãi Chi phí lãi	92.767.561.670 4.427.698.995 1.797.440.456 1.707.779.833 883.347.221	50.931.942.844 634.093.523 158.511.690 293.333.334 -
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Tiền thuê đất Mua dịch vụ Bán hàng hóa	67.491.898.320 2.010.338.018 10.046.666	67.491.898.320 651.265.000 -
Giao dịch với bên liên quan khác				
Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:				
Lương, thưởng và các chi phí liên quan			8.659.515.086	7.939.480.663

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B09-DN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	59.646.196.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	30.613.930.627	3.584.250.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	20.891.055.625	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	15.911.948.381	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	15.259.000.000	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	582.601.621 324.562.125	- -
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	247.479.500	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	323.333.334	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	214.013.889 24.000.000	- -
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	930.167.900
			144.038.121.723	4.514.417.900

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	107.533.442.140	-
Svayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	36.487.077.117	13.560.595.589
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	14.011.549.910	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	583.135.138	112.840.138
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	30.400.000
			173.615.204.305	113.703.835.727
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	3.643.388.890	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.829.645.056	271.244.461
Svayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Thu nhập lãi Chi hộ	1.578.869.885 1.315.729.513	- 3.941.208.303
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Thu nhập lãi	625.307.897	328.877.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	376.895.208	1.304.953.646
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	193.333.332	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	23.333.333	-
			9.586.503.114	5.846.284.115

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu dài hạn khác					
Swayrieng Sugar and Cane Company Limited	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	12.707.425.000	12.707.425.000	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)					
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	100.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cho vay	14.500.000.000	-	
			114.500.000.000	-	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	7.787.217.922	-	
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	3.207.560.200	3.522.333.535	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	2.581.604.929	1.642.310.824	
			13.576.383.051	5.164.644.359	
Vay					
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Côn Thành Thành Công	Công ty con	Vay	182.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Vay	9.545.366.000	-	
			191.545.366.000	-	

(*) Đây là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn có kỳ hạn sáu tháng với lãi suất cho vay từ 8,0% đến 9,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.906.304.482	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.588.600.160	-
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.214.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	371.692.100	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	72.922.918	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	8.697.734.000
			15.153.519.660	8.697.734.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu	15.648.984.731	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Còn Thành Công	Công ty con	Chi hộ	2.490.379.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Chi phí lãi	1.500.345.515	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	1.200.000.000	1.200.000.000
		Chi phí lãi	100.449.068	-
			20.940.158.314	1.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	217.672.448	884.237.386

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá 42.473.797.613 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 58.651.577.936 VND) liên quan đến việc xây dựng dự án Espace Bourbon Tây Ninh.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Quỹ dự phòng tài chính	101.816.231.999	(101.816.231.999)	-
Quỹ đầu tư phát triển	125.609.421.786	101.816.231.999	227.425.653.785
Phải thu ngắn hạn khác	46.239.347.643	12.174.555.500	58.413.903.143
Tài sản ngắn hạn khác	12.157.955.500	(12.157.955.500)	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	35.904.299.058	35.904.299.058
Phải thu dài hạn khác	48.611.724.058	(35.904.299.058)	12.707.425.000
Tài sản dài hạn khác	16.600.000	(16.600.000)	-

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	16.954.015.133	(6.793.066.132)	10.160.949.001
Chi phí khác	(8.811.277.362)	6.793.066.132	(2.018.211.230)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Tăng chứng khoán kinh doanh	-	(8.124.761.428)	(8.124.761.428)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(241.916.845.313)	8.124.761.428	(233.792.083.885)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2016, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 20.124.764 cổ phần tương ứng 48,99% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre từ các cổ đông cá nhân.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ngự
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 9 năm 2016